

Số: /QĐ-BKHCN Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Chương trình hỗ trợ nghiên cứu sinh xuất sắc giai đoạn 2026-2030”

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chương trình hỗ trợ nghiên cứu sinh xuất sắc giai đoạn 2026-2030” (tên tiếng Anh: Vietnam Research Excellence Fellowship, viết tắt: VREF) (sau đây gọi tắt là Chương trình VREF), với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Nghiên cứu sinh là lực lượng nghiên cứu nòng cốt, trực tiếp thực hiện và tạo ra các đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đầu tư bồi dưỡng nghiên cứu sinh xuất sắc không chỉ là giải pháp phát triển nhân lực, mà còn là khoản đầu tư chiến lược mang tính kiến tạo, nhằm xây dựng thể hệ các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia công nghệ đủ năng lực dẫn dắt sự phát triển của quốc gia trong tương lai.

2. Chuyển từ hỗ trợ đào tạo sang đầu tư nghiên cứu xuất sắc, tập trung nguồn lực có trọng điểm, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược, đồng thời bảo đảm phát triển cân đối các lĩnh vực khoa học khác.

3. Thực hiện cơ chế tuyển chọn minh bạch, cạnh tranh, đánh giá theo kết quả, gắn hỗ trợ với đầu ra cụ thể.

4. Khuyến khích hợp tác đồng tài trợ từ doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ, tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết Nhà nước - Viện/Trường - Doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ nghiên cứu sinh xuất sắc trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đột phá, ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu có tiềm năng tạo ra công nghệ lõi, phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược; hình thành đội ngũ nhà khoa học trẻ có năng lực vượt trội, có khả năng nghiên cứu độc lập, góp phần nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và năng lực cạnh tranh quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hằng năm tuyển chọn, hỗ trợ kinh phí nghiên cứu cho khoảng 100 nghiên cứu sinh xuất sắc, trong đó ưu tiên phân bổ nguồn lực cho nhóm trực tiếp tham gia các nhiệm vụ nghiên cứu làm chủ, tạo ra công nghệ lõi, phát triển các sản

phẩm công nghệ chiến lược; phần còn lại dành cho nhóm thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đột phá thuộc những lĩnh vực khoa học khác.

b) Tối thiểu 60% kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín (thuộc nhóm Q1 hoặc danh mục có uy tín như Nature Index); tối thiểu 20% kết quả nghiên cứu có đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tương đương); tối thiểu 15% kết quả nghiên cứu được chuyển giao, thương mại hóa hoặc ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

c) Hình thành mạng lưới các nhà khoa học trẻ tham gia Chương trình VREF, thông qua đó góp phần xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, tăng cường hợp tác quốc tế, bao gồm hợp tác với chuyên gia nước ngoài và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài thông qua cơ chế đồng hướng dẫn; nâng cao năng lực nghiên cứu, tiềm lực khoa học và công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi

Chương trình VREF được triển khai trên phạm vi toàn quốc.

2. Đối tượng tham gia

a) Nghiên cứu sinh đáp ứng điều kiện theo quy định, có đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu hướng tới làm chủ, sáng tạo công nghệ lõi, gắn với phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược; hoặc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu xuất sắc, có tính mới và tính đột phá trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ khác;

b) Cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, năng lực nghiên cứu và quản lý để tổ chức thực hiện, hỗ trợ và quản lý nghiên cứu sinh theo quy định;

c) Nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài tham gia hướng dẫn, đồng hướng dẫn; doanh nghiệp, tổ chức có liên quan tham gia tài trợ, phối hợp nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

IV. NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Việc quản lý, theo dõi và đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu được thực hiện theo các mốc tiến độ và kết quả đầu ra được phê duyệt; bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu, kết quả thực hiện và việc cấp, điều chỉnh, tiếp tục bố trí kinh phí theo từng giai đoạn.

2. Không công nhận kết quả; đồng thời xem xét điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt nhiệm vụ theo quy định đối với các trường hợp:

- a) Không bảo đảm tiến độ hoặc không đạt yêu cầu về kết quả đầu ra;
- b) Tổ chức, cá nhân thực hiện không tuân thủ quy định, quy trình đã được phê duyệt;
- c) Nghiên cứu sinh không chứng minh được vai trò trực tiếp, chủ động và thực chất trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu;
- d) Có hành vi vi phạm quy định về quản lý tài chính, liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro dẫn đến kết quả nghiên cứu không đạt mục tiêu đề ra, phát sinh từ bản chất khoa học của nhiệm vụ hoặc các yếu tố khách quan trong quá trình thực hiện, được xem xét chấp nhận theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trên cơ sở tổ chức, cá nhân thực hiện đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định và cam kết.

4. Tăng cường trách nhiệm, quyền tự chủ của cơ sở đào tạo trong tổ chức và triển khai hoạt động nghiên cứu; đồng thời yêu cầu thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình về chất lượng nghiên cứu, hiệu quả sử dụng nguồn lực và kết quả đầu ra theo quy định.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Tuyển chọn nghiên cứu sinh xuất sắc gắn với hệ sinh thái nghiên cứu, đổi mới sáng tạo

a) Tổ chức thực hiện cơ chế tuyển chọn độc lập, khách quan, cạnh tranh; phân bổ kinh phí tập trung, ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ làm chủ, sáng tạo công nghệ lõi, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược; phần còn lại dành cho các nhiệm vụ nghiên cứu xuất sắc trong các lĩnh vực khác;

b) Ưu tiên hỗ trợ các nhiệm vụ thiết lập được cơ chế đồng hướng dẫn với chuyên gia uy tín quốc tế, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài; khuyến khích gắn kết với các nhóm nghiên cứu mạnh và mạng lưới hợp tác quốc tế;

c) Đưa sự tham gia thực chất của doanh nghiệp, từ bước đề xuất ý tưởng, đồng tài trợ, phối hợp triển khai đến tiếp nhận, thương mại hóa kết quả, thành tiêu chí trọng yếu, tiến tới bắt buộc trong toàn bộ quá trình đánh giá, tuyển chọn và nghiệm thu nhiệm vụ nghiên cứu.

2. Định hướng sản phẩm và đầu ra nghiên cứu

Việc cấp kinh phí và nghiệm thu nhiệm vụ nghiên cứu phải dựa trên cam kết và kết quả thực tế của các nhóm sản phẩm đầu ra sau:

a) Sản phẩm công nghệ lõi

Nghiên cứu sinh phải trực tiếp tham gia làm chủ, sáng tạo ra các giá trị nền tảng, có thể định lượng được, bao gồm nhưng không giới hạn ở các loại hình sau: thuật toán, mô hình, phần mềm lõi, quy trình công nghệ, vật liệu mới, bản thiết kế hệ thống phần cứng/vi mạch hoặc giải pháp kỹ thuật có khả năng thương mại hóa.

b) Sản phẩm khoa học và tài sản trí tuệ

Yêu cầu có công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín hoặc được đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ (bao gồm sáng chế, giải pháp hữu ích) gắn liền với kết quả nghiên cứu.

c) Tác động thực tiễn: các kết quả nghiên cứu phải chỉ ra được khả năng tích hợp vào các sản phẩm công nghệ chiến lược quốc gia hoặc đề xuất được giải pháp đột phá giải quyết các bài toán kinh tế - xã hội cụ thể.

3. Định kỳ đánh giá kết quả, hiệu quả đầu ra và tác động của Chương trình

a) Tổ chức đánh giá định kỳ hằng năm và đánh giá tổng thể theo giai đoạn đối với kết quả thực hiện, hiệu quả đầu ra và tác động của Chương trình VREF trên cơ sở bộ chỉ số định lượng;

b) Nội dung đánh giá tập trung vào chất lượng kết quả nghiên cứu, mức độ đạt mục tiêu, hiệu quả sử dụng kinh phí và tác động đối với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội;

c) Kết quả đánh giá là căn cứ để điều chỉnh mục tiêu, nội dung, quy mô, cơ chế thực hiện Chương trình, phân bổ nguồn lực hằng năm; để định hướng Chương trình VREF cho giai đoạn tiếp theo.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện Chương trình VREF thông qua nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm. Đẩy mạnh huy động tối đa các nguồn kinh phí khác từ doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, để triển khai thực hiện Chương trình VREF.

2. Căn cứ vào tính chất và yêu cầu của nhiệm vụ nghiên cứu, mức hỗ trợ được xác định bảo đảm tập trung, hiệu quả và phù hợp với mục tiêu đề ra. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 01 tỷ đồng/năm cho 01 nghiên cứu sinh, với thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm. Trường hợp cần thiết, nhiệm vụ nghiên cứu có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện nhưng không quá 02 năm; việc gia hạn không làm tăng thời gian hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

3. Kinh phí hỗ trợ nghiên cứu sinh được sử dụng cho các hoạt động phục vụ trực tiếp nhiệm vụ nghiên cứu, bao gồm: thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu; chi cho vật tư, thiết bị, dữ liệu và hạ tầng nghiên cứu; thuê dịch vụ đo kiểm, tính toán, gia công chế tạo; công bố khoa học, tham dự hội nghị, hội thảo; phát triển sản phẩm, thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ; đăng ký và khai thác tài sản trí tuệ, chuyển giao công nghệ; chi phí lưu trú, trao đổi học thuật quốc tế; các nội dung chi khác theo quy định của pháp luật. Việc giải ngân được thực hiện gắn liền với các mốc tiến độ hằng năm.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình VREF theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể bao gồm:

- Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành: Quy chế quản lý Chương trình; Bộ chỉ số đánh giá kết quả, hiệu quả đầu ra và tác động của Chương trình;

- Xây dựng, ban hành Thông báo kế hoạch triển khai hằng năm;

- Tiếp nhận, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ; thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ để đánh giá, lựa chọn nhiệm vụ được hỗ trợ theo thẩm quyền;

- Ký hợp đồng, cấp kinh phí, quản lý việc sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả;

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả thực hiện hằng năm và toàn giai đoạn; phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất điều chỉnh mục tiêu, quy mô, cơ chế thực hiện khi cần thiết.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì:

- Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến ngân sách nhà nước.

3. Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Vụ Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ và các đơn vị chức năng thuộc Bộ:

- Phối hợp với Quỹ trong việc định hướng các lĩnh vực ưu tiên hằng năm;

- Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chế giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình;

- Chủ trì giám sát, kiểm tra việc triển khai Chương trình theo phân công của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Phối hợp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hằng năm và tổng thể toàn giai đoạn; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện Chương trình.

4. Cơ quan, tổ chức tham gia Chương trình

- Xây dựng kế hoạch tổng thể hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh; tổ chức tuyển chọn nghiên cứu sinh và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng học thuật, năng lực hướng dẫn, tiến độ thực hiện và kết quả đầu ra của nghiên cứu sinh được hỗ trợ;

- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định, đúng đối tượng; thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin và giải trình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Bộ GD&ĐT;
- Các ĐH Quốc gia; các ĐH: BKHN, Thái Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ;
- Các Viện Hàn lâm: KHCN; KHXH;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ;
- Công TTĐT của Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, NAFOSTED.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân